

**Phụ lục số 16: Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đóng**  
**Appendix No.16: Net Asset Value Report for Closed-end Fund**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

(Issued with Circular No. 224/2012/TT-BTC of December 26th, 2012 from the Ministry of Finance's guidance on the establishment and management of closed-end fund, private fund)

**Giá trị tài sản ròng quỹ**  
**Net Asset Value of the Fund**  
 (tuần từ ngày 20/07/2018 đến 26/07/2018)  
 (Reporting period: from July 20<sup>th</sup>, 2018 to July 26<sup>th</sup>, 2018)

1. Tên công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	<b>Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt</b> Thien Viet Asset Management JSC
2. Tên ngân hàng giám sát: Custodian and Supervisory Bank:	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi Nhánh Hà Thành</b> Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch
3. Tên quỹ: Name of the fund:	<b>Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2</b> Thien Viet Growth Fund 2 (TVGF2)
4. Ngày lập báo cáo: Reporting date:	<b>27/07/2018</b> July 27 <sup>th</sup> , 2018

Đơn vị tính/Unit: VND/%

STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD (26/07/18)	KỲ TRƯỚC PREVIOUS PERIOD (19/07/18)
<b>A</b>	<b>Giá trị tài sản ròng</b> <i>Net asset value (NAV)</i>		
<b>A.1</b>	<b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b> <i>Net asset value (NAV) at the beginning of period</i>		
	của quỹ/the fund	144,854,567,778	134,314,431,017
	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	8,521	7,901
<b>A.2</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b> <i>Net asset value (NAV) at the ending of period</i>		
	của quỹ /the fund	144,003,857,746	144,854,567,778
	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	8,471	8,521
<b>A.3</b>	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó</b> <i>Change in NAV per certificate during the period, in which</i>		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ <i>Change due to the fund's investment activities</i>	-50	620
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ <i>Change due to the fund's income distribution for investors</i>	-50	620
<b>A.4</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	179,279,749,966	179,279,749,966
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	134,314,431,017	134,314,431,017
<b>B</b>	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ</b> <i>Market value per certificate (closing price of the reporting day)</i>		
<b>B.1</b>	<b>Giá trị đầu kỳ</b> <i>Beginning value</i>	-	-
<b>B.2</b>	<b>Giá trị cuối kỳ</b> <i>Ending value</i>		
<b>B.3</b>	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b> <i>Change in market value, compared with the previous period</i>		
<b>B.4</b>	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/ Difference between the unit's market price and its NAV</b>		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)*	-	-
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (level of discount (-)/surplus (+))**	-	-
<b>B5</b>	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/ Lowest market value within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	-	-
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	-	-

Lưu ý: \* Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - NAV cùng thời điểm)/ Defined by the differences (market price - NAV at the same period);

Notes: \*\* Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường - NAV)/NAV/ Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
 Authorized Representative of Supervisory bank

  
 Lê Mỹ Linh  
 Phó Giám đốc/Deputy Director

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ  
 Authorized Representative of Fund management

  
 Nguyễn Thanh Thảo  
 Chủ tịch HĐQT/Chairman